

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM

Ngày: 28-4-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Lê Thị Thùy Hương**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* **Bà Trần Vĩnh Hạnh;**

Ông Hồ Ngọc Hỷ;

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Hồng Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: **Bà Tô Nguyễn Mộng Lành** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/TLST-KDTM ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2020/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty P

Trụ sở: phường A, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 1954; Trú tại phường A, quận T, thành phố H theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2019.

2. Bị đơn: Công ty T

Trụ sở: phường T, quận B, thành phố Cần Thơ; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H – Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Xuân H trình bày:*

Từ năm 2015 Công ty T có ký kết hợp đồng mua xi măng trắng và bột keo của Công ty P. Từ năm 2015 hai bên đã ký kết các hợp đồng mua bán như sau: Hợp đồng mua bán số 51/2015/HĐMB ngày 02/01/2015; Hợp đồng mua bán số 39/2016/HĐMB ngày 02/01/2016; Hợp đồng mua bán số 33/2017/HĐMB ngày 02/01/2017. Nội dung các hợp đồng thỏa thuận là Công ty T mua xi măng trắng loại 40 kg/bao và bột keo HPMC KH-10MS loại 25kg/bao; Đơn giá theo bảng báo giá từng thời điểm của công ty P; số lượng giao hàng theo đơn đặt hàng của bị đơn; Giao hàng tại kho cảng của bị đơn; Thanh toán dứt điểm 100% giá trị theo từng lô hàng đã nhận trong vòng 07-10 ngày tính từ ngày giao nhận xong lô hàng đó.

Vào ngày 04/01/2016 hai bên có đối chiếu công nợ, bị đơn nợ tiền hàng của nguyên đơn là 52.988.000 đồng. Từ ngày 14/01/2016 đến 16/11/2017 bị đơn tiếp tục mua hàng của nguyên đơn với số lượng là 9.668 bao với tổng số tiền là 1.507.590.000 đồng. Trong quá trình mua bán thì bị đơn đã trả được tổng số tiền là 1.453.478.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn còn nợ là 107.100.000 đồng. Nguyên đơn đã gửi biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2019 cho bị đơn xác nhận nợ nhưng đến nay bị đơn vẫn không thanh toán khoản nợ còn lại. Nhiều lần nguyên đơn liên hệ yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn cố tình tránh né, không thực hiện. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả tổng số tiền hàng còn nợ là 107.100.000 đồng và lãi suất theo quy định kể từ thời điểm nguyên đơn yêu cầu thi hành án.

Đối với bị đơn, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng đại diện theo pháp luật bị đơn vắng mặt nên vụ án không thể hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy trình bày quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn công ty P khởi kiện bị đơn công ty Việt Hà T có trụ sở tại phường T, quận B, thành phố Cần Thơ; Yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa giữa hai doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào các quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy.

Đối với bị đơn, Tòa án tiến hành triệu tập phía bị đơn nhiều lần nhưng không triệu tập được người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Theo kết quả trả lời của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Cần Thơ: Bị đơn vẫn còn đăng ký kinh doanh tại địa chỉ phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. Vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án tiến hành niêm yết theo thủ tục chung để xét xử vụ án. Đây là phiên tòa xét xử lần thứ 2 phía bị đơn vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 179, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn và trên cơ sở đối chiếu các hợp đồng mua bán hàng hóa số 51/2015/HĐMB ngày 02/01/2015; Số 39/2016/HĐMB ngày 02/01/2016; Số 33/2017/HĐMB ngày 02/01/2017 giữa công ty P và công ty T thì Hội đồng xét xử xác định: Từ ngày 02/01/2015 đến 02/01/2017 công ty T có ký kết các hợp đồng nêu trên để mua các mặt hàng xi măng và bột keo của công ty P, thỏa thuận mua xi măng trắng 40kg/bao; Bột keo 25kg/bao với giá theo bảng báo giá từng thời điểm của công ty P, mua với số lượng theo đơn đặt hàng của công ty T với điều kiện thanh toán 100% giá trị theo từng lô hàng đã nhận trong vòng 07 đến 10 ngày tính từ ngày giao nhận xong lô hàng đó.

Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2019 chưa có xác nhận nợ của công ty T thì đến ngày 31/3/2019 công ty T còn nợ của công ty P là 156.064.692 đồng, trong đó nợ tiền hàng là 107.000.000 đồng và 48.964.692 đồng tiền lãi. Trong biên bản đối chiếu công nợ này có số tiền hàng còn nợ là 52.988.000

đồng của năm 2015 mà công ty T đã xác nhận nợ theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/01/2016. Qua xem xét biên bản công nợ có ghi nhận nội dung: Nếu đến ngày 15/4/2019 mà công ty P chưa nhận được sự phản hồi từ công ty T thì số liệu trong biên bản đối chiếu công nợ là đúng. Đồng thời tại mục 2.4, Điều 2 trong các hợp đồng mua bán đều ghi nhận sự thỏa thuận này giữa các bên. Qua giấy báo phát của bưu điện thì công ty T đã nhận được biên bản đối chiếu công nợ của công ty P. Do đó biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2019 có giá trị chứng minh khoản nợ tiền hàng của công ty T đối với công ty P là đúng.

Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn tại mục 2.4 Điều 2 hợp đồng 33/2017/HĐMB ngày 02/01/2017 nên yêu cầu đòi nợ của công ty Khánh Phát là có cơ sở. Tuy nhiên Trong quá trình và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền hàng còn thiếu là 107.100.000 đồng và chỉ yêu cầu tính lãi từ giai đoạn thi hành án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Về án phí kinh doanh sơ thẩm:* Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 24; Điều 50 Luật Thương mại;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty P đối với bị đơn công ty T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty T có trách nhiệm trả cho công ty P số tiền 107.100.000(Một trăm lẻ bảy triệu một trăm nghìn) đồng.

Về thời gian và phương thức trả nợ: Do Cơ quan thi hành án dân sự quận Bình Thủy giải quyết theo thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh sơ thẩm là 5.355.000(Năm triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 009967 ngày 26/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3.Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(Ngày 28/4/2020). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
- Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thùy Hương